

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST

Ngày: 12/9/2019.

*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lưu Quốc Khánh**

2/ Ông **Danh On**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phan Tú Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Huyền Mao** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST-DS ngày 21/01/2019 về tranh chấp **“Hợp đồng vay tài sản”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-DS ngày 22/7/2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thúy H**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

**Đồng bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1972

Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bà H có mặt. Riêng đồng bị đơn ông P, bà T vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 08/01/2019 và tại lời khai ngày 30/01/2019 nguyên đơn bà Phạm Thúy H trình bày: Do quen biết với nhau nên vào ngày 27/6/2017 âm lịch, vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T có vay của bà số tiền 1.200.000.000 đồng, khi vay có lập giấy vay tiền, ông P và bà T đều có ký tên vào, thỏa thuận thời gia trả là 09 tháng, lãi suất 02%/tháng. Sau khi vay tiền ông P bà T có thanh toán cho bà được cho

tôi số tiền lãi là 75.000.000 đồng, cụ thể ngày 10/6/2018 âm lịch thanh toán 20.000.000 đồng, ngày 02/7/2018 âm lịch trả lãi 15.000.000 đồng, ngày 02/8/2018 âm lịch trả được 20.000.000 đồng và một lần khác bà không nhớ cụ thể trả được 20.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông P bà T không trả thêm khoản tiền nào nữa mặc dù tôi đến nhà nhiều lần nhưng ông bà không có thiện chí để trả nợ. Do đó bà yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh kể từ ngày vay tiền ngày 27/6/2017 đến khi giải quyết vụ án với mức lãi suất là 10%/năm. Ngoài ra bà H không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T Tnh bày: Vào ngày 27/6/2017 âm lịch vợ chồng ông bà ký vào giấy vay tiền với bà Phạm Thủy H số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng, về thỏa thuận thời gian trả và lãi suất như bà H đã Tnh bày là đúng. Nhưng thực tế ông bà vay số tiền 1.200.000.000 đồng của bà H vào năm 2012, lãi suất H tháng là 2,5%/ tháng và ông bà đã đóng lãi cho bà H từ năm 2012 đến năm 2017 rồi hai bên thống nhất mới làm lại giấy vào ngày 27/6/2017 âm lịch. Sau đó bà tiếp tục trả lãi được 55.000.000 đồng cho bà H, sau đó do điều kiện khách quan nên chúng tôi ngưng đóng lãi do đó bà H kiện chúng tôi ra tòa. Nay ông P và bà T chỉ đồng ý trả nợ gốc cho bà H với số tiền là 1.200.000.000 đồng, còn nợ lãi như bà H yêu cầu ông P bà T không đồng ý trả.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử trong quá Tnh giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H. Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T phải trả số tiền vay 1.200.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh kể từ ngày 26/7/2017 âm lịch (nhằm 20/7/2017 dương lịch) đến ngày 12/9/2019 dương lịch là: (02 năm 01 tháng 23 ngày = 257.561.600 trừ đi số tiền lãi bà T ông P đã thanh toán là 75.000.000 đồng. Bà T và ông P đã thanh toán được số tiền lãi 75.000.000 đồng nên bà T, ông P phải trả cho bà H số tiền lãi là 182.561.600 đồng.

Ngoài ra buộc ông P bà T phải nộp án phí số tiền 53.476.848 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân. Số tiền án phí bà H đã dự nộp sẽ được hoàn lại toàn bộ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của Phạm Thúy H Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà H, ông P và bà T thống nhất xác định ông P, bà T có vay của bà H số tiền là 1.200.000.000 đồng; căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, về thời gian vay tiền các bên không thống nhất, bà H xác định ông P, bà T vay tiền vào ngày 27/6/2017 âm lịch với mức lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là 09 tháng. Trong khi đó ông P, bà T xác định thời gian vay tiền vào năm 2012, lãi suất là 2,5%/tháng, ông bà đóng lãi đến ngày 27/6/2017 âm lịch thì ngưng đóng. Sau đó bà H lập “Giấy vay tiền” đề ngày 27/6/2017 âm lịch, với lãi suất là 2%/tháng. Xét thấy, ông P bà T cho rằng ông bà vay tiền của bà H vào năm 2012 với lãi suất là 2,5%/tháng đến ngày 27/6/2017 âm lịch mới lập “Giấy vay tiền” nhưng ông bà không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh; trong khi đó bà H cung cấp một “Giấy vay tiền” đề ngày 27/6/2017 âm lịch, với nội dung là ông P bà T có vay số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất là 2%/ tháng, thời hạn vay là 09 tháng; đồng thời chính ông P và bà T thừa nhận chữ ký trong “Giấy vay tiền” đề ngày 27/6/2017 âm lịch là chữ ký của ông bà. Do đó có đủ cơ sở xác định ông P, bà T vay tiền của bà H vào ngày 27/6/2017 âm lịch, số tiền là 1.200.000.000 đồng, lãi suất là 2%/ tháng, thời hạn vay là 09 tháng là có cơ sở xem xét.

Đối với số tiền nợ gốc ông P, bà T thừa nhận từ khi vay đến nay ông bà chưa thanh toán và nay ông bà đồng ý trả cho bà H số tiền 1.200.000.000 đồng. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ông P, bà T trả số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi: bà H yêu cầu ông P, bà T thanh toán cho bà tiền nợ lãi từ ngày vay (27/6/2017 âm lịch) cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm. Trong khi đó ông P, bà T không đồng ý thanh toán tiền lãi cho bà H. Bà H xác định ông P bà T trả được cho bà 75.000.000 đồng tiền lãi và bà H đồng ý đối trừ số tiền này vào tiền lãi. Xét thấy, khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất, quá Tnh vay ông P, bà T không thanh toán đầy đủ tiền lãi cho bà H nên việc bà H yêu cầu phần tiền lãi là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét về mức lãi suất: Theo quy định tại 1 Điều 468 BLDS quy định mức lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm. Theo bà H, ông P, bà T thỏa thuận mức lãi suất là 2%/tháng, căn cứ vào quy định trên thì mức lãi này cao hơn so với quy định của pháp luật. Nay bà H yêu cầu tính lãi theo mức lãi là 10%/năm. Xét thấy, mức lãi suất mà bà H yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể như sau:

Từ ngày 27/6/2017 âm lịch (nhằm 20/7/2017 dương lịch) đến ngày 12/9/2019 dương lịch là:  $(1.200.000.000 \times 10\%/năm) \times 02 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 257.561.600$ . Bà T và ông P đã thanh toán được số tiền lãi 75.000.000 đồng. Nay bà T, ông P phải trả cho bà H số tiền lãi là  $257.561.600 - 75.000.000 = 182.561.600$  đồng.

[3] Ngoài ra buộc ông P và bà T liên đới nộp án phí theo quy định. Số tiền bà H đã dự nộp sẽ được hoàn lại toàn bộ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

[4] Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa ngày hôm nay là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/NQ- HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

01/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thúy H.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thúy H số tiền gốc là 1.200.000.000đ (một tỷ, hai trăm triệu đồng) và tiền lãi suất phát sinh là 182.561.600đ (một trăm tám mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn, sáu trăm đồng. Tổng số tiền là: 1.382.561.600đ (Một tỷ, ba trăm tám mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn, sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

02/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T liên đới nộp số tiền: 53.476.848 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Bà Phạm Thúy H đã dự nộp số tiền: 24.000.000 đồng theo biên lai số 0006022, ngày 21/01/2019 sẽ được hoàn lại trong giai đoạn thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- CC.THADS huyện Hồng Dân;
- Dương sự;
- Lưu.

**(Đã ký)**

**LÂM BÉ NHI**